

DANH SÁCH SINH VIÊN KIỂM TRA ĐIỂM KHOA NGOẠI NGỮ
(Từ HK 1 2015-2016 đến HK 2 2020-2021)

STT	Họ và tên	MSV	Lớp	Tên học phần	Học kỳ, Năm học	Điểm ban đầu	Kết quả KTĐ
1	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Ngữ pháp 2	HK 2 2015-2016	7.0	Điểm đúng: 8.0. CB cộng sai cơ học
2	Nguyễn Thị Phương	155D2202010076	56B1 Anh	Ngữ pháp 2	HK 2 2015-2016	Chưa có	Đã có điểm trên hệ thống
3	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Đọc - viết 2	HK 2 2015-2016	7.6	Điểm giữ nguyên
4	Nguyễn Thị Mai Chi	145D1402310043	55A1 Anh	Ngữ pháp 2	HK 2 2015-2016	6.5	Điểm đúng: 7.5. CB cộng sai cơ học
5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	145D1402310046	55A1 Anh	Viết nâng cao 2	HK 2 2015-2016	7.3	Điểm giữ nguyên
6	Trương Thị Huyền	145D1402310004	55A1 Ngoại ngữ	Tiếng Pháp 1	HK 2 2015-2016	4.4	Điểm giữ nguyên
7	Lê Thị Thảo Nguyên	135D1402310015	54A2 Ngoại ngữ	Lý luận dạy học và phân tích chương trình	HK 2 2015-2016	5.7	Điểm giữ nguyên
8	Nguyễn Cảnh Dũng	155D2202010143	56B3 Ngoại ngữ	Tiếng Anh du lịch	HK 1 2016-2017	7.2	Điểm giữ nguyên
9	Hoàng Thị Linh Chi	145D140310013	55A1 Ngoại ngữ	Tiếng Pháp 2	HK 1 2016-2017	5.8	Điểm giữ nguyên
10	Đặng Thị Huyền	145D1402310002	55A1 Ngoại ngữ	Biên dịch 1	HK 1 2016-2017	5.8	Điểm giữ nguyên
11	Trương Thị Huyền	145D1402310004	55A1 Anh	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh	HK 2 2016-2017	5.5	Điểm giữ nguyên
12	Nguyễn Thị Hồng Mây	165D14023100020	57A Ngoại ngữ	Tiếng pháp 1	HK 2 2016-2017	6.0	Điểm giữ nguyên
13	Hồ Thị Oanh	145D1402310005	55A1 Ngoại ngữ	Biên dịch 2	HK 2 2016-2017	4.5	Điểm giữ nguyên
14	Nguyễn Thị Diệu Linh	145D1402310055	56A1 Ngoại ngữ	Nghe nói 4	HK 2 2016-2017	4.4	Điểm giữ nguyên
15	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Ngoại ngữ	Nghe nói 4	HK 2 2016-2017	6.4	Điểm giữ nguyên
16	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Đọc viết 4	HK 2 2016-2017	8.4	Điểm giữ nguyên

17	Hoàng Mai Huyền	155D1402311005	56A1 Anh	Nghe nói 4	HK 2 2016-2017	5.2	Điểm giữ nguyên
18	Ngô Thị Thắm	165D22020100133	57B2 Anh	Tiếng Pháp 2	HK 1 2017-2018	5.2	Điểm giữ nguyên
19	Võ Thị Thu	145D1402310039	55A1 Anh	Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Anh	HK 1 2017-2018	7.4	Điểm giữ nguyên
20	Nguyễn Thị Thu Hương	155D2202010173	56B5 Anh	Nghe - nói 5	HK 1 2017-2018	5.2	Điểm giữ nguyên
21	Trần Huy Hoàng Minh	155D2202010213	56B4 Anh	Ngôn ngữ học đối chiếu	HK 1 2017-2018	2.4	Điểm giữ nguyên
22	Bùi Thị Trang	155D1402311031	56A1 Ngoại ngữ	Nghe nói 5	HK 1 2017-2018	2.5	Điểm giữ nguyên
23	Hồ Thị Nhung	155D2202010079	56B1 Ngoại ngữ	Lý thuyết dịch	HK 1 2017-2018	7.4	Điểm giữ nguyên
24	Hồ Thị Nhung	155D2202010079	56B1 Ngoại ngữ	Ngôn ngữ học đối chiếu	HK 1 2017-2018	5.3	Điểm giữ nguyên
25	Nguyễn Thị Thanh Hải	155D2202010182	56B3 Anh	Ngôn ngữ học đối chiếu	HK 1 2017-2018	Chưa có	Điểm có thay đổi. Điểm đúng: 9,8
26	Lê Thị Hương	145D1402311067	55A2 Ngoại ngữ	Kỹ năng tổng hợp 2	HK 2 2017-2018	6.7	Điểm giữ nguyên
27	Bùi Thị Trang	155D1402311031	56A1 Ngoại ngữ	Đọc viết 6	HK 2 2017-2018	7.5	Điểm giữ nguyên
28	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Phân tích diễn ngôn	HK 2 2017-2018	7.5	Điểm giữ nguyên
29	Phan Thị Trang	165D14023100010	57A Ngoại ngữ	PPNCKH chuyên ngành Tiếng Anh	HK 2 2017-2018	5.0	Điểm giữ nguyên
30	Lê Thị Thảo	165D22020100045	57B2 Anh	Đọc viết 4	HK 2 2017-2018	4.3	Điểm có thay đổi. Điểm đúng 8,3
31	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Biên dịch 2	HK 1 2018-2019	8.5	Điểm giữ nguyên
32	Bùi Đức Linh	155D2202010239	56B5 Anh	Kỹ năng tổng hợp 1	HK 1 2018-2019	7.6	Điểm giữ nguyên
33	Phạm Văn Tiến	165D22020100106	57B3 Anh	Giao tiếp giao văn hóa	HK 1 2018-2019	2.5	Điểm có thay đổi. Điểm đúng: 5.0
34	Trần Thị Trang	155D2202010085	56B3 Anh	Kỹ năng tổng hợp 2	HK 2 2018-2019	4.5	Điểm giữ nguyên
35	Nguyễn Cảnh Dũng	155D2202010143	56B3 Anh	Biên dịch 3	HK 2 2018-2019	6.8	Điểm giữ nguyên

36	Trương Thị Ngọc Ánh	155D1402311062	56A2 Anh	Kỹ năng tổng hợp 2	HK 2 2018-2019	6.5	Điểm giữ nguyên
37	Nguyễn Thị Đức Hạnh	165D14023100047	57A Ngoại ngữ	Kỹ năng tổng hợp 1	HK 2 2018-2019	6.2	Điểm giữ nguyên
38	Trần Thị Quỳnh	165D14023100036	57A Ngoại ngữ	Kỹ năng tổng hợp 1	HK 2 2018-2019	7.1	Điểm giữ nguyên
39	Phạm Văn Tiến	165D22020100106	57B3 Anh	Kỹ năng tổng hợp 1	HK 2 2018-2019	6.4	Điểm giữ nguyên
40	Trần Thị Huyền	18572202010045	59B3 Anh	Đất nước học các quốc gia nói Tiếng Anh	HK 2 2019-2020	Chưa có	Điểm có thay đổi. Điểm đúng: 8.0
41	Nguyễn Thu Thảo	1755214023110065	58A1 SP Anh	Dịch 2	HK 1 2020-2021	5.7	Điểm giữ nguyên
42	Trần Phương Uyên	18573403010038	59B3 Kế toán	Đọc viết Tiếng Anh 1	HK 2 2020-2021	7.4	Điểm có thay đổi. Điểm đúng: 8.4

Người lập danh sách

Nguyễn Mai Phương